

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HSST

Ngày: 15 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Ông Vũ Đức Kiều.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên toà:**
Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

D, sinh ngày 12/9/1995 tại huyện H, tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 1/12; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh U (chết) và bà Châu Thị H (chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 15/11/2023 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: không tốt do ngày 13/8/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng 28 ngày tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 14/3/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 16/5/2014 bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài

sản, ngày 31/10/2017 bị Toà án nhân dân huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù về tội cố ý gây thương tích và ngày 15/11/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam B; bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ F, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Danh D sinh năm 1992; địa chỉ: tổ F, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 16 giờ ngày 26/6/2023 Danh T1 và người bạn tên N (N chưa xác định được nhân thân, lai lịch) tổ chức nhậu và cùng sử dụng ma túy tại nhà của T1. Khoảng 16 giờ 45 phút, T1 rủ N đi chuộc điện thoại di động T1 đã cầm cố trước đó, trước khi đi T1 lấy một con dao Thái Lan lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, cán dao bằng nhựa màu vàng để vào túi quần. Do không có xe nên T1 và N đến nhà Danh D để mượn xe mô tô, D đưa xe mô tô 68D1- 308.31 cho T1 mượn. N điều khiển xe mô tô chở T1 từ nhà của D lưu thông trên đường tỉnh lộ 969B đi đến tiệm cầm đồ để chuộc điện thoại. Khi đi đến khu vực tổ E, ấp H, xã T, huyện H thì thấy Nguyễn Văn T đang điều khiển xe mô tô 68D1-762.52 lưu thông phía trước cùng chiều với xe của T1 và N.

Phía trước xe của T có Võ Văn C đang điều khiển xe mô tô Sirius, thấy C nên T bóp còi xe, mục đích cho C dừng xe lại để rủ đi nhậu, nghe tiếng còi xe C quay đầu lại nhìn thì thấy T đang điều khiển xe chạy phía sau nên C giảm ga chạy chậm lại rồi dừng xe đậu ở khoảng giữa lộ cách nhà Danh C1 khoảng 3 đến 5 mét đợi T. T điều khiển xe chạy đến đậu cặp xe của C nói chuyện với C. T hỏi C “chiều nhậu ở đâu”, C nói “tao mới nhậu ở nhà D xong” nghĩ C1 còn đang nhậu ở nhà nên T bóp còi xe, mục đích xem C1 còn nhậu hay không để T và C vào nhậu nhưng không thấy C1 đi ra.

Lúc này, N điều khiển xe mô tô chở T1 đi tới, do xe mô tô của T và C đậu song song giữa lộ nên N giảm ga điều khiển xe chạy sát vào lề trái, T vẫn ngồi trên xe bóp còi xe, mục đích cho ơ"Cơ nghe để đi ra mở cửa. Thấy T bóp còi xe nên T1 hỏi T “bóp còi làm gì” nghe vậy T thách thức nói “muốn chơi không”, nghe vậy T1 kêu N quay xe lại. Khi N quay xe lại thì bánh trước của xe chạm vào bánh trước xe của C, T1 nghĩ C chặn đầu xe nên T1 nhảy xuống xe và lấy con dao Thái Lan trong

túi quần cầm ở tay phải nhào đến đâm 01 nhát trúng vào vùng lưng của T gây thương tích. T điều khiển xe bỏ chạy về nhà được gia đình chở đến Trạm y tế xã T sơ cấp cứu vết thương, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh K để cấp cứu điều trị.

** Về vấn đề khác:*

- Về vật chứng của vụ án và các đồ vật được thu giữ trong quá trình điều tra gồm: Đối với con dao cán vàng Danh Tiên sau khi gây thương tích cho Nguyễn Văn T đã ném con dao xuống khu vực cổng T tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tổ chức truy tìm nhưng không thu được.

Thu giữ 01 (một) xe mô tô biển số 68D1-308.31 của Danh D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại xe mô tô biển số 68D1-308.31 cho Danh D.

- Tại Bản kết luận giám định tổng thương tích cơ thể trên người sống số 773/KLTTCT-PY ngày 09/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K kết luận thương tích của Nguyễn Văn T:

Kết quả khám giám định: Vết thương vùng lưng trái xuyên thủng cực dưới thận trái đã được phẫu thuật khâu thận cầm máu và đặt dẫn lưu. Hiện tại đã ổn, chức năng thận còn trong giới hạn bình thường. Kết quả cận lâm sàng: Siêu âm bụng không thấy hình ảnh bất thường. Kết quả xét nghiệm: Trị số Ure máu và C2 máu trong giới hạn bình thường.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T tại thời điểm giám định là: 22% (hai mươi hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Văn T yêu cầu bồi thường tiền chi phí điều trị bệnh và các khoản chi phí khác tổng cộng là 20.000.000 đồng. Từ khi khởi tố vụ án cho đến nay, bị cáo chưa bồi thường khoản chi phí nào cho người bị hại. Tại biên bản ghi nhận ý kiến bị cáo ngày 03/5/2024, bị cáo Tiên đồng ý bồi thường cho anh T toàn bộ thiệt hại là 20.000.000 đồng.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội cố ý gây thương tích đối với T1 để điều tra.

Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 24/CT-VKS-HĐ ngày 05/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị cáo Danh T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định

tại điểm d, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố rút một phần quyết định truy tố hành vi của bị cáo T1 theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 của BLHS. Đề nghị, truy tố hành vi của bị cáo T1 đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng:

Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Danh T1 từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý sẽ bồi thường cho người bị hại toàn bộ số tiền theo yêu cầu là 20.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại xe mô tô biển số 68D1-308.31 cho chủ sở hữu là anh Danh D.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của bị cáo ngày 03/5/2024 và ơn"Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 03/5/2024, bị cáo T1 trình bày thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã thấy ăn năn hối lỗi, bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Vào 16 giờ 45 phút 26/6/2023 tại tổ E, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang bị cáo Danh T1 đã có hành vi cầm dao Thái Lan đâm vào vùng lưng của anh Nguyễn Văn T gây thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 22%.

Tại thời điểm phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đối chiếu

hành vi của bị cáo với các quy định của pháp luật đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của BLHS thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của BLHS. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Giữa bị cáo T1 và anh T không có mâu thuẫn trước, khi thấy xe anh T đậu không đúng làn đường quy định cản trở giao thông đáng lẽ bị cáo phải trao đổi với anh T để tránh đường cho anh N điều khiển xe. Tuy nhiên, chỉ vì một lời nói thách thức của anh T chưa xâm phạm đến bị cáo nhưng bị cáo đã hung hăng nhảy xuống xe và lấy con dao Thái Lan trong túi quần cầm ở tay phải nhào đến đâm 01 nhát trúng vào vùng lưng của T gây thương tích. Hành vi của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, đã xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của người bị hại và gây mất an ninh trật tự xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản và nhiều lần bị xét xử như ngày 13/8/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng 28 ngày tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 14/3/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 16/5/2014 bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 31/10/2017 bị Toà án nhân dân huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù về tội cố ý gây thương tích. Các bản án hình sự đối với bị cáo vào năm 2012, 2013, 2014, 2017 đến nay tuy đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự:

Bị cáo có ý kiến tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho người bị hại là anh Nguyễn Văn T số tiền là 20.000.000 đồng nên HĐXX ghi nhận.

[6]Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H đã trả lại cho chủ sở hữu là Danh Dang 01 (một) xe mô tô biển số 68D1-308.31.

[7]Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm d khoản 2 Điều 52, khoản 1 Điều 56, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Điều 585, Điều 587, Điều 589, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ường"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Danh T1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".
2. Xử phạt bị cáo Danh T1 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2023/HSST ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/7/2023.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh T1 bồi thường toàn bộ thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Nguyễn Văn T số tiền tổng cộng là 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại xe mô tô biển số 68D1 - 308.31 cho chủ sở hữu là anh Danh D.

5. Về án phí:

Bị cáo T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú